

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2026

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Kiều Vũ

2. Ông Nguyễn Sơn Thạch

- **Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Đức Định – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên toà:** Diê Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2025/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc: “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 và **Thông báo mở lại phiên toà số: 08/TB-TA ngày 03 tháng 4 năm 2026**; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị C, sinh năm 1992, số căn cước công dân: 008192010189, cấp ngày 16-8-2021, nơi cấp Cục QLHC về TTXH. Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, tỉnh Lào Cai.

- **Bị đơn:** Anh Lý Ngọc C1, sinh năm 1990, số định danh: 015090005240. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Ngọc C1 được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái (nay là xã Y, tỉnh Lào Cai) ngày 09/12/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2025

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh C1 không tu chí làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con, chơi bời dẫn đến bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã tự hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả và đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2025 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Lý Ngọc C1.

Về con chung: Chị và anh Lý Ngọc C1 có 02 con chung là Lý Ngọc V, sinh ngày 08-8-2012 và Lý Khánh D, sinh ngày 01-01-2020. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, chị đang làm lao động tự do có thu nhập ổn định bình quân khoảng 09-10 triệu đồng/tháng đảm bảo các điều kiện để nuôi con. Về chỗ ở chị và các con hiện nay đang ở nhà riêng của vợ chồng tại thôn C, xã Y.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo đơn nguyện vọng của con Lý Ngọc V, nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C1 nhưng anh C1 không đến tòa để giải quyết việc chị C xin ly hôn anh nên không có lời khai của anh C1, anh C1 không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; **Điều 238**; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; **Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14** ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị C để xử cho chị C được ly hôn với anh Lý Ngọc C1. Về con chung: Chấp nhận đề nghị về nuôi con chung của chị Trần Thị C. Giao con chung là Lý Ngọc V, sinh ngày 08-8-2012 và Lý Khánh D, sinh ngày 01-01-2020 cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Lý Ngọc C1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Lý Ngọc C1 có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Y, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Nguyên đơn chị Trần Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Lý Ngọc C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử vắng mặt chị C, anh C1 là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Lý Ngọc Chung kết H tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 09 tháng 12 năm 2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị C xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh C1 không tu chí làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2025 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị C và anh Lý Ngọc C1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh C1 không có mặt để hoà giải thể hiện anh C1 không có thiện chí hoà giải. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Lý Ngọc C1.

[3] Về con chung: Chị C và anh C1 có 02 con chung là Lý Ngọc V, sinh ngày 08-8-2012 và Lý Khánh D, sinh ngày 01-01-2020. Ly hôn, chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh C1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét đề nghị của C về nuôi con thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, chị C đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu nuôi con của mình thể hiện chị C có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định để nuôi con. Mặt khác, anh C1 không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con, cháu Lý Ngọc V có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo về mọi mặt sinh hoạt và học tập của con cần giao hai cháu Lý Ngọc V, sinh ngày 08-8-2012 và Lý Khánh D, sinh ngày 01-01-2020 cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 **Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C được ly hôn anh Lý Ngọc C1.

2. Về con chung: Giao con chung là Lý Ngọc V, sinh ngày 08-8-2012 và Lý Khánh D, sinh ngày 01-01-2020 cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Lý Ngọc C1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0002242 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị C đã nộp đủ.

Chị Trần Thị C và anh Lý Ngọc C1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, **7a** và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND KV2-LC;
- P. THADS KV2-LC;
- Các đương sự;
- UBND xã Bảo Ái;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Anh Đào